TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST- KDTM	*T, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 07/04/2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Số 77, phố H, phường H, quận K, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H1 – Chủ tịch HĐQT; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T2 – Phó Tổng giám đốc; Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trần Văn H3 - sinh năm 1987, ông Nguyễn Anh D – sinh năm 1991, ông Luyện Duy H4 - sinh năm 1986 cùng đơn vị công tác: Khối quản lý & xử lý nợ có vấn đề - Ngân hàng S;

Bị đơn: Ông Nguyễn Công T2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Trú tại: thôn B, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh (Ông T2 ủy quyền cho bà Llà người đại diện giải quyết vụ án);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Quang H5, sinh năm 1959 và bà Lê Thị T5, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn B, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh;

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 07/09/2022, ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền **6.763.021.519 đồng** (*bằng chữ: Sáu tỷ, bẩy trăm sáu mươi ba triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm mười chín đồng*), cụ thể:

Nợ gốc : 2.962.862.943 đồng;
Nợ lãi : 3.800.158.576 đồng;

2. Ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả cho S số tiền nợ tính đến ngày 07/09/2022 là **6.763.021.519 đồng** (*bằng chữ: Sáu tỷ, bẩy trăm sáu mươi ba triệu, không trăm hai mươi mốt nghìn, năm trăm mười chín đồng*) và tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ từ ngày 08/09/2022 cho đến ngày ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L thực tế thanh toán hết nợ gốc cho S.

3. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 03 tháng tính từ ngày 01/01/2023.

4. Trong trường hợp ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho S theo thỏa thuận, thì S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, xử lý toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho S, cụ thể gồm:

Tài sản 01: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115, tờ bản đồ 01P, địa chỉ: Thôn B, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 376,6 m^2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 522017 do UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 30/05/2013 cho ông Nguyễn Công T2, bà Nguyễn Thị L.

Tài sản 02: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 182, tờ bản đồ 01P, địa chỉ: Thôn B, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, diện tích 174,9 m^2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 444470 do UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/07/2012 cho ông Nguyễn Công T2, bà Nguyễn Thị L.

Các tài sản này bảo đảm cho khoản nêu trên theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 2282014, quyển số 01 TP/SCC-HĐGD ngày 17/01/2014 do Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh chứng nhận.

Tài sản 03: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 01P, địa chỉ: Thôn Binhg Cầu, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, diện tích: 510m2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE904769 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 16/09/2011 cho ông Nguyễn Công T2, bà Nguyễn Thị L.

Tài sản 04: Quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 01 với các thửa đất số: 114, diện tích 1169m2; thửa đất số 145, diện tích 137m2; thửa đất số 127, diện tích 92.3m2; thửa đất số 86, diện tích 694,9m2. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O005309 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00060/QSDĐ, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/1998 cho ông Nguyễn Công T2.

Các tài sản số 03 và số 04 đảm bảo cho khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp công chứng số 263/2014, quyển số 01-TP/SCC-HĐGD ngày 22/01/2014 tại Văn phòng Công chứng Bắc Hà – tỉnh Bắc Ninh chứng nhận.

5. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho S và S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Thúy, bà Luyến để thu hồi nợ cho S.

6. Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc chuyển nhượng thửa đất số 145, tờ bản đồ 01 diện tích 137 m^2, địa chỉ: thôn B, xã T4, huyện T, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/10/2021 giữa ông Nguyễn Công T2 bà Nguyễn Thị L với ông Đỗ Quang H5 và Lê Thị T5 và việc ông Đỗ Quang H5 và Lê Thị T5 đổ đất tân tạo và xây tường bao quanh thửa đất nêu trên trong vụ án này.

7. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

- Ông Nguyễn Công T2 và bà Nguyễn Thị L phải chịu 57.381.500đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội số tiền tạm ứng án phí 57.210.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0005495 ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội phải chịu 25.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận đã nộp đủ.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều

30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND, CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Vương Thị Hà